TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 594/2024/HC-PT
Ngày 19 - 6 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;
Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 55/2024/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1557/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974. *(Có mặt)*

2. Ông Hồ Tấn T1, sinh năm 1983. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ liên hệ: Số C F Đường số G, Khu phố A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1999. *(Có yêu cầu xét xử vắng mặt vào ngày 12/6/2024; có mặt vào ngày tuyên án 19/6/2024)*

Địa chỉ: Tổ C Thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1977. *(Có mặt vào ngày 12/6/2024, vắng mặt vào ngày tuyên án)*

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ*:* Luật sư Nguyễn Công Đ1 – Công ty L2. *(Có mặt vào ngày tuyên án)*

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện C. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số B T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Chí C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Phương A, sinh năm 1990. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số C F, đường số G, Khu phố A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1979. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phòng A, tầng A, Tòa nhà P - E Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Hương T2, sinh năm 1990. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1, bà Võ Thị Phương A là người đồng sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14, diện tích 916,5m² tại đường N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo các GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 349590 và CV349591 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/08/2020 và đồng thời cùng sử dụng một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, diện tích khoảng 100m² tại huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 28/09/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định số 1620 và Quyết định số 1628/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các thửa đất trên của ông T và ông T1 để thực hiện dự án Tuyến đường kết nối khu dân cư I đến đường N, huyện C.

Sau khi Tòa án thực hiện thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất thu hồi, có thể xác định trong xuyên suốt quá trình thực hiện thủ tục phê duyệt đơn giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện các thủ tục thu hồi đất và giải quyết khiếu nại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có những sai phạm khi ban hành các Quyết định hành chính cá biệt, cụ thể:

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C ban hành Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 (gọi tắt là *Quyết định số 1620)*, không phù hợp với quy định của pháp luật. UBND huyện C không thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đúng quy định của pháp luật

Ngày 01/9/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C thực hiện kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất phục vụ thực hiện công trình "tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N" theo Thông báo thu hồi đất số 507/TB-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện C.

Ngày 28/9/2022, UBND huyện C căn cứ theo diện tích đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất để ban hành Quyết định số 1620 thu hồi 622,9m² đất của ông T1 và ông T, trong đó ghi nhận có 89,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14 tại Khu dân cư S huyện C, là do ông T và ông T1 sử dụng.

Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm kê, Tổ kiểm kê không kiểm tra, đối chiếu tọa độ phần diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 14 mà mặc nhiên xác định diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận được giới hạn bởi phần tường gạch và phòng ăn. Trên thực tế, chỉ khi Tòa án thực hiện việc thẩm định tại chỗ thửa đất thu hồi thì các bên mới phát hiện tọa độ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14 ghi nhận trên Giấy chứng nhận bị sai lệch so với vị trí thực tế người sử dụng đất quản lý, sử dụng.

Do đó khi thực hiện lập sơ đồ nhà, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi, Tổ kiểm kê đã *không ghi nhận được hiện trạng quản lý, sử dụng 18,5m² đất trồng cây (bồn cây xi măng) thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14.* Đối với người sử dụng đất là ông Hồ Tấn T1 khi tham gia quá trình kiểm kê không thể kiểm soát, đối chiếu diện tích đất bị thu hồi trong và ngoài Giấy chứng nhận đã cấp mà chỉ xác định một cách tương đối theo sơ đồ nhà, vật kiến trúc kèm theo Biên bản kiểm kê ngày 01/09/2021, theo đó diện tích đất trồng cây 18,5m² chưa được phát hiện, kiểm đếm nên không nằm trong tổng diện tích 622,9m² đất bị thu hồi.

Vì vậy, các điểm tọa độ của phần diện tích đất thu hồi nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) đã cấp cũng không trùng khớp với các điểm tọa độ bị thu hồi theo Quyết định số 1620.

Việc Tổ kiểm kê kiểm tra, đo đạc sai, thiếu đã vi phạm khoản 2 Điều 10 Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh B:

"2. Nội dung kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất

a) Kiểm đếm về đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất: kiểm đếm toàn bộ diện tích đất thu hồi, thống kê từng hạng mục nhà, vật kiến trúc, đánh giá kết cấu, cấp hạng nhà, kích thước, diện tích; trường hợp nhà cửa, vật kiến trúc bị giải tỏa một phần thì chỉ đo đạc xác định phần bị giải tỏa.

"đ) Tổ kiểm đếm có trách nhiệm vẽ sơ đồ nhà, tài sản khác gắn liền với đất (đo vẽ cụ thể phần bị giải tỏa, phần bị ảnh hưởng và phần còn lại), vật kiến trúc vào biên bản kiểm đếm."

Mặc dù vậy, sau khi căn cứ theo kết quả làm việc ngày 01/9/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1620 vẫn có thể ghi nhận diện tích đất 18,5m² nêu trên thuộc quản lý của ông T, ông T1 là hoàn toàn không phù hợp với thực tế thực hiện đo đạc, kiểm đếm trước đó.

Việc kiểm kê bổ sung theo Thông báo thu hồi đất số 618/TB-UBND ngày 13/10/2021 (gọi tắt là *Thông báo số 618)*, không được thông báo cho người sử dụng đất, không có sự có mặt của người sử dụng đất nên không được sử dụng làm căn cứ ban hành các Quyết định số 1620 và Quyết định số 1628.

Sau khi ghi nhận thông tin phát sinh về phần diện tích đất ngoài giấy chứng nhận đã cấp, UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 618 để làm cơ sở pháp lý cho việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm trước khi thu hồi đất.

Căn cứ khoản 3 Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT thì hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất cần có:

"3. Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án."

Kết quả kiểm đếm và sơ đồ đo đạc công trình, vật kiến trúc ngày 01/9/2021 không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến phần đất trồng cây diện tích 18,5m². Do đó không tồn tại bất kỳ dữ liệu, cơ sở nào để UBND huyện C ban hành Thông báo thu hồi diện tích đất 89,4m² nêu trên đối với ông T và ông T1.

Mục 3 Thông báo 618 quy định: *"Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký ban hành Thông báo. Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm giao Thông báo này cho hộ ông (bà)* Hồ Tấn T1 *và* Nguyễn Thanh T *và chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm đếm theo quy định."*.

Tuy nhiên, Trung tâm phát triển quỹ đất sau đó không thực hiện bất kỳ việc điều tra, khảo sát, kiểm đếm nào nên không thể phát hiện và đánh giá thiếu khuyết của hồ sơ thu hồi đất.

Ngày 08/3/2022, phòng T3 cùng cán bộ địa chính Hoàng Minh Q2 lập Biên bản xác định toàn bộ phần đất 89,4m² thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14 do ông T và ông T1 lấn, chiếm, sử dụng trái phép từ ngày 23/6/2020 là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi lẽ, trước thời điểm người khởi kiện nhận chuyển nhượng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14 đã tồn tại quán C2 với các hạng mục công trình, vật kiến trúc do bà Nguyễn Thị Trúc L xây dựng, khai thác, sử dụng và bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2019. Mặt khác, việc xác định thời điểm tạo lập tài sản, công trình, cây trồng có trên đất bắt buộc phải lấy ý kiến của người có đất thu hồi tại thời điểm kiểm kê.

Căn cứ Điều 67 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 10 Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh B:

"b) Nội dung biên bản phải ghi nhận ý kiến của người có đất thu hồi về thời gian làm nhà ở hoặc thời gian tạo lập tài sản có trên đất (công trình phụ, giếng nước, ao đào, cây trồng. Trường hợp ghi sai thì gạch ngang chữ ghi sai, không được tẩy xóa; người ghi sai phải ghi lại và ký vào bên cạnh chữ đã ghi sai."

Theo đó, ông T và ông T1 không được thông báo, tham gia buổi làm việc để xem xét việc kiểm kê bổ sung đối với phần đất thu hồi, tài sản trên phần diện tích đất thu hồi ngoài GCNQSD đất đã cấp. UBND huyện C cũng không hướng dẫn, lấy ý kiến của người sử dụng đất đến công trình tạo lập trên đất là vi phạm quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 (gọi tắt là *Quyết định số 1628*), xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Ngày 28/9/2022, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1628 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất với ông T1 và T, căn cứ theo kết quả tại Biên bản kiểm kê đất đai ngày 01/9/2021 và các hồ sơ khác liên quan, tồn tại những thiếu sót trong việc kiểm kê, xem xét bồi thường sai, thiếu tài sản của người sử dụng đất, đồng thời tồn tại sai phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục thu hồi đất tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Sai phạm trong việc kiểm kê, xem xét bồi thường bị sai, thiếu tài sản của người sử dụng đất:

Quyết định số 1628 kiểm kê thiếu tài sản của người sử dụng đất gồm có:

Bồn xây gạch, móng trụ bê tông cốt thép, nhà thủy tạ giữa hồ nước, móng đá, cây trồng, vật kiến trúc khác trên 18,5m² đất trồng cây...

Việc này đã được UBND huyện C thừa nhận sai sót nêu tại nội dung Công văn số 1664/UBND-TNMT ngày 17/5/2023 và được Tòa án xem xét ghi nhận tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023.

Ngoài ra, tại thời điểm kiểm kê vào ngày 01/09/2021, người sử dụng đất đang nuôi thả 495,9m² cá rô phi. Hoạt động này đã được người sử dụng đất tiếp tục duy trì từ tháng 6/2019 đúng theo như ghi nhận tại Quyết định 1628, đến nay đang là vụ nuôi thả thứ ba và cần phải thu hoạch sớm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, làm ảnh hưởng đến giá trị đầu ra và chất lượng của thủy sản.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013: *"Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra; mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định."*

Việc Ủy ban nhân dân huyện C xác định khối lượng thủy sản trên không đủ điều kiện bồi thường là trái quy định của pháp luật, dẫn đến thiệt hại thực tế cho người sử dụng đất. Hiện nay không thể xác định chính xác số lượng, cân nặng cá trong ao do đã có nhiều biến động sau thời điểm người khởi kiện nhận thông báo thu hồi đất của cơ quan chức năng.

Sai phạm trong việc thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất:

Liên quan đến nội dung này, tại Mục 2.2 Công văn số 1664/UBND-TNMT ngày 17/5/2023, Ủy ban nhân dân huyện C xác định đã thực hiện kiểm đếm, thống

kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất ngày 17/11/2021, tuy nhiên ông T và ông T1 không nhận được thông báo nào về việc kiểm đếm từ UBND huyện C.

Thủ tục kiểm đếm tài sản là thủ tục bắt buộc được thực hiện để làm căn cứ xây dựng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất. Việc kiểm đếm phải được thông báo để người sử dụng đất có mặt, trong trường hợp người sử dụng đất không có mặt, thì phải vận động, thuyết phục trước khi ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế theo khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 (gọi tắt là *Quyết định số 184*), trái quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011: *"Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý."*

Căn cứ Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP của Chính phủ: *"Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này, thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

6. Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;"

Theo đó, thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C chậm trễ trong việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại *(Đơn khiếu nại được thụ lý giải quyết ngày 20/12/2022)* đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Có thể thấy trong quá trình thu hồi đất, việc kiểm tra, khảo sát, đo đạc trên diện tích đất bị thu hồi được UBND huyện C thực hiện không đúng, đủ theo quy định của pháp luật. Những văn bản, tài liệu được xác lập nhằm phục vụ việc ban hành các Quyết định số 1620 và Quyết định số 1628 không đảm bảo tính hợp pháp nên không thể được sử dụng làm căn cứ ban hành các quyết định hành chính liên quan.

Việc UBND huyện C thu hồi đất trái quy định của pháp luật đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và ông T1. Những sai phạm được xác định không chỉ dừng lại ở những vấn đề hình thức như trình tự, thủ tục thu hồi đất mà còn tồn tại những sai phạm về nội dung vô cùng nghiêm trọng. Về tổng thể, những sai phạm này có mối quan hệ nhân quả, với nguyên nhân chính từ việc UBND huyện C đã không thực hiện đúng, đủ trình tự thủ tục pháp luật quy định khi thu hồi đất – dẫn đến những căn cứ để ban hành Quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không đáp ứng đủ điều kiện về tính hợp pháp, hợp lệ. Bên cạnh đó, các Quyết định trên phải được ban hành trong cùng một ngày, vì vậy những thiếu sót, sai phạm trong Quyết định số 1620 và 1628 của UBND huyện C không thể sửa chữa, điều chỉnh, bổ sung bằng những quyết định hành chính khác mà phải hủy bỏ để thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định pháp luật.

Nay, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 1628/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện C ngày 28 tháng 09 năm 2022 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các ông (bà): Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án T đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

2. Hủy Quyết định số 1620/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện C ngày 28 tháng 09 năm 2022 về việc thu hồi 622,9m² đất của các ông (bà): Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T cùng sử dụng để thực hiện dự án Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

3. Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân nhân huyện Côn đảo ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

4. Hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tấn T1 và ông Nguyễn Thanh T - Thành phố Hồ Chí Minh, khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

5. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện lại toàn bộ trình tự, thủ tục thẩm định giá, thủ tục thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện C **và Chủ tịch** Ủy ban nhân dân huyện C **trình bày:**

2.1. Về Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C *về việc thu hồi 622,9m² đất*

Các căn cứ pháp lý thu hồi đất:

- Căn cứ điểm d, khoản 3, Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

- Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hồi đồng nhân dân tỉnh B thông qua danh mục dự án có thu hồi đất để thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện C về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N;

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND huyện C đã được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/12/2020;

- Căn cứ Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N;

- Căn cứ Kế hoạch số 1739/KH-UBND ngày 08/7/2021 của UBND huyện C về việc ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N;

- Căn cứ các Thông báo số 505 đến 510/TB-UBND ngày 20/8/2021 và Thông báo số 616 đến 622/TB-UBND ngày 13/10/2021 của UBND huyện C về

việc thông báo thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường kết nối từ Khu dân cư I đến đường N.

Như vậy, việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 1620 về việc thu hồi 622,9m² đất của ông T1, ông T cùng sử là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và đúng chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, việc ông T1, ông T yêu cầu thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 1620 của UBND huyện C là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

2.2. Về Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C *về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với ông (bà):* Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T.

2.2.1 Về diện tích đất thu hồi

Ngày 25/4/2022, Phòng T3 có Công văn số 449/TNMT về việc thông tin bổ sung kết quả xác nhận cấp xã phục vụ công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án, kèm theo Biên bản ngày 08/3/2022. Theo đó xác nhận:

Theo Thông báo thu hồi đất số 507/TB-UBND ngày 20/8/2021 và 618/TB-UBND ngày 13/10/2021 của UBND huyện C thì diện tích dự kiến thu hồi là 622,9m² đất.

- Phần diện tích 533,5m² đất thuộc một phần thửa 21 – tờ bản đồ số 14; Diện tích 619,5m² đất nông nghiệp khác, tại đường N, huyện C được Sở TNMT tỉnh cấp GCNQSD đất số CV 349590 ngày 14/8/2020.

- Phần diện tích 89,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 19 – tờ bản đồ số 14; Nguồn gốc đất: Lấn, chiếm đất do Nhà nước quản lý. Thời điểm lấn chiếm: lấn chiếm sử dụng trái phép đất do Nhà nước quản lý kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 21 – tờ bản đồ số 14 (ngày 23/6/2020). Cụ thể:

+ *Hồ sơ địa chính năm 1995*: Căn cứ Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C – bản đồ giấy lưu trữ được thành lập năm 1995 *(được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/5/1995)* thì phần diện tích đất 89,4m² thuộc một phần thửa đất số 19 – tờ bản đồ số 14, thuộc một phần thửa đất số 520 – tờ bản đồ số 1;

Tên chủ sử dụng đất ghi: “Nhà tù”,

Diện tích (m²) ghi: “172075”,

L*oại đất ghi*: “Chuyên dùng”.

+ *Hồ sơ địa chính năm 1998*: Căn cứ Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C được thành lập năm 1998 *(được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/01/1999)* thì phần diện tích đất 89,4m² thuộc một phần thửa đất số 19 – tờ bản đồ số 14 thuộc một phần thửa đất số 3 (R.Tràm) – tờ bản đồ số 26;

Tên chủ sử dụng đất ghi: “UBND huyện”,

Diện tích (m²) ghi: “33.813.3”,

L*oại đất ghi*: “LN” (đất Lâm nghiệp);

+ Hồ sơ địa chính năm 2015: Căn cứ Bản đồ địa chính và Sổ mục kê đất đai huyện C năm 2015 *(được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/5/1995)* thì phần diện tích đất 89,4m² thuộc một phần thửa đất số 19 – tờ bản đồ số 14;

Tên chủ sử dụng đất ghi: để trống thông tin,

Diện tích (m²) ghi: "33324.5",

L*oại đất ghi*: "CLN".

- Tình trạng tranh chấp: Không có đơn tranh chấp

Công trình, tài sản tạo lập trên đất thu hồi, gồm: Một số vật kiến trúc và một số cây tràm; cây ăn trái theo Biên bản kiểm điếm, thống kê nhà ở, tài sản gắn liền với đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập ngày 17/11/2021.

Cá nhân ông Hồ Tấn T1, bà Võ Thị Phương A cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Thanh T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi.

Qua kiểm tra, rà soát, các hạng mục quán Mộc Lan tạo lập trái phép trên đất nông nghiệp đã xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm tạo lập năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Điều kiện được bồi thường về đất:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có GCNQSD đất,... hoặc có đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này....

Khoản 4 Điều 82 Luật đất đai 2013 quy định Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: *4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.*

Và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính Phủ quy định về Bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: *"1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất.*

Như vậy, ông T1 và ông T đang sử dụng diện tích 533,5m² đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất đủ điều kiện bồi thường.

Đối với diện tích 89,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 19 – tờ bản đồ số 14 có nguồn gốc đất do lấn, chiếm đất Nhà nước quản lý kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng (ngày 23/6/2020), không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, do đó không đủ điều kiện bồi thường về đất theo các quy định trên.

2.2.2 Về điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:

Ông T1 và ông T đang sử dụng các công trình, vật kiến trúc (Quán M) vào mục đích kinh doanh ăn uống; theo xác nhận của Phòng T3, các hạng mục quán Mộc Lan tạo lập trái phép trên đất nông nghiệp đã xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm tạo lập năm 2019. Do đó, căn cứ các quy định tại:

Khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất:

"1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường."

Khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất:

"2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

Các hạng mục quán C2 không đủ điều kiện bồi thường theo các quy định trên. Đối với các tài sản như: Móng đá hộc kè bảo vệ đất, nuôi cá tạo cảnh quan và các cây trồng tạo lập trên đất nông nghiệp được xem xét bồi thường.

2.2.3 Về điều kiện xem xét hỗ trợ:

Khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 quy định về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Theo xác nhận của Phòng T3, cá nhân ông Hồ Tấn T1, bà Võ Thị Phương A cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Thanh T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi. Do đó ông T1, bà A, ông T không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

- Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

Theo Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C về việc thu hồi 622,9m² đất (trong đó: 533,5m² đất nông nghiệp khác và 89,4m² đất do Nhà nước quản lý hộ dân đang sử dụng) thuộc một phần thửa đất số 19, 21 – tờ bản đồ số 14 tại khu dân cư S, huyện C của ông T1, ông T cùng sử dụng, không thu hồi đất ở, do đó ông T1, bà A, ông T không đủ điều kiện bồi thường bằng đất ở tái định cư. Đồng thời, ông T1, bà A, ông T có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, không cư trú tại huyện C nên không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất, do đó cũng không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

- Hỗ trợ khác:

Căn cứ Điều 17b Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B (được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND, ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh B) quy định Hỗ trợ thiệt hại về nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất mà phải tháo dỡ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nhưng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt bị tháo dỡ không đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại, thì các hạng mục quán C2 của ông ông T1, ông T, bà A được xây dựng từ năm 2019, đã bị xử phạt vi phạm hành chính và phục vụ kinh doanh quán ăn uống (không thuộc công trình phục vụ sinh hoạt), do

đó không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định trên. Như vậy, việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 1628 đối với các ông T1, ông T cùng sử dụng là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc ông ông T1, ông T yêu cầu thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 1628 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

2.2.4 Ý kiến của UBND huyện C *đối với kết quả thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo*

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại Biên bản ngày 13/6/2023 ghi nhận hiện trạng như sau:

- Về diện tích đất thu hồi: 533,5m² đất thuộc GCNQSDĐ và 89,4m² nằm ngoài GCNQSDĐ *(Không thay đổi so với Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của* UBND huyện C*).*

- Về công trình, vật kiến trúc: Khối lượng một số công trình, vật kiến trúc có sự thay đổi, phân định các tài sản trong và ngoài GCNQSD đất; ngoài ra có bổ sung các hạng mục như: Chòi giữa hồ (thuộc GCNQSD đất), tường xây gạch bao quanh giữ đất trồng cây (nằm ngoài GCNQSD đất). Tuy nhiên các công trình, vật kiến trúc này tạo lập trên đất nông nghiệp phục vụ cho mục đích kinh doanh quán ăn và đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 989/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2019 của UBND huyện C, do đó các công trình, vật kiến trúc trên không được xem xét bồi thường, hỗ trợ, việc điều chỉnh, bổ sung một số tài sản theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại Biên bản ngày 13/6/2023 không làm thay đổi giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 1628.

2.2.5. Về Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND huyện C *về việc cưỡng chế thu hồi đất*

Ngày 28/9/2022, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1620/QĐ-UBND về việc thu hồi 622,9m² đất và Quyết định số 1628/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Hồ Tấn T1 và bà Võ Thị Phương A cùng sử dụng đất với ông Nguyễn Thanh T.

Trung tâm Phát triển quỹ đất đã có Thông báo số 96/TB-PTQĐ ngày 05/10/2022 lần 1 và Thông báo số 105/TB-PTQĐ ngày 20/10/2022 lần 2 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình; tuy nhiên ông T1, ông T không đến để nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ngày 06/12/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã phối hợp với Phòng T3, Chi nhánh Văn phòng Đ2 và Ban Q3 tổ chức vận động đối với ông ông T1, ông T. Tại buổi vận động, ông T1, ông T chưa đồng ý nhận tiền và bàn giao đất.

Như vậy, UBND huyện C ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông T1, ông T là đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013: "a) Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban M cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục;". Do đó, việc ông T1 và ông T yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối

với ông Hồ Tấn T1 và ông Nguyễn Thanh T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

2.3 Về Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện C *giải quyết khiếu nại của ông* Hồ Tấn T1 *và ông* Nguyễn Thanh T *khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.*

2.3.1 Về quá trình giải quyết khiếu nại

Ngày 12/12/2022, ông T1 và ông T có Đơn khiếu nại một phần Quyết định số 1628 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với ông T1, ông T cùng sử dụng.

Ngày 20/12/2022, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2140/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông T1, ông T, khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Ngày 10/3/2023, Thanh tra huyện C ban hành Báo cáo số 200/BC-TTr về kết quả xác minh khiếu nại của ông T1, ông T khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Ngày 26/12/2022, Thanh tra huyện đã làm việc với ông T1, ông T về các nội dung khiếu nại. Qua làm việc, ông T1, ông T thống nhất đề nghị: *"Do khó khăn trong di chuyển giữa đảo và đất liền và yêu cầu của công việc nên đề nghị UBND huyện xem xét ban hành quyết định giải quyết khiếu nại mà không tổ chức đối thoại" (theo Biên bản số 789/BB-TTr ngày 26/12/2022 của Thanh tra huyện).* Do đó, trên cơ sở đề nghị của Thanh tra huyện tại Tờ trình số 204/TTr-TTr ngày 10/3/2023 về việc đề nghị ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của ông T1, ông T, khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ Điều 31, 32, Luật Khiếu nại năm 2011, Điều 29, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông T1, ông T, khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện C đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định.

2.3.2 Về nội dung giải quyết khiếu nại

Đối với nội dung khiếu nại, như đã phân tích ở trên *(mục 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3),* việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 184 về việc giải quyết khiếu nại của ông T1, ông T, theo đó, bác toàn bộ yêu cầu của người khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 1628 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với ông T1, ông T cùng sử dụng đất, là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2.4 Về nội dung yêu cầu UBND huyện C *thực hiện lại toàn bộ trình tự, thủ tục thẩm định giá, thủ tục thu hồi đất đối với ông* Nguyễn Thanh T *và ông* Hồ Tấn T1 *theo quy định của pháp luật*

2.4.1 Đối với yêu cầu thực hiện lại trình tự, thủ tục thẩm định giá

***** *Về quá trình khảo sát giá đất của dự án.*

Căn cứ Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N, huyện C; Kế hoạch số 1739/KH-UBND ngày 08/7/2021 của UBND huyện C về việc ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

Ngày 15/10/2021, Phòng T3 tiến hành ký Hợp đồng thẩm định giá đất số 29C/2021/HĐTV/TTKT-P.TNMT với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B để xác định giá đất cụ thể phục vụ mục đích bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thực hiện dự án.

Ngày 20/5/2022, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ban hành Chứng thư thẩm định giá đất số 23B/2022/ĐGĐ-CT của dự án.

Ngày 02/6/2022, UBND huyện C đã có tờ trình số 54/TTr-UBND về việc đề nghị phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 28/7/2022, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2079/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

** Sự phù hợp của giá đất khi so sánh với dự án lân cận*

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông T1, ông T cùng sử dụng để thực hiện dự án thì diện tích 533,5m² bị thu hồi của của ông T1, ông T được xác định là đất nông nghiệp (BHK) vị trí 1 đường N.

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến đường kết nối từ Khu dân cư I đến đường N thì giá đất nông nghiệp, vị trí 1 của đường N là 3.097.000 đồng (thời điểm khảo sát tháng 04/2022).

Căn cứ giá đất cụ thể đối với dự án lân cận (cùng là đất nông nghiệp - vị trí 1) và đã được UBND tỉnh phê duyệt là: Giá đất cụ thể để tính bồi thường của dự án Tuyến đường kết nối từ khu tái định cư T đến đường V, huyện C được phê duyệt tại Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh B là: 3.165.000 đồng (thời điểm khảo sát tháng 7/2022).

Trên cơ sở thẩm định của của Sở T, Hội đồng thẩm định giá đất; kết quả so sánh đơn giá đất nông nghiệp vị trí 1 đường N của dự án Tuyến đường kết nối từ Khu dân cư I đến đường N, huyện C so với vị trí 01 tuyến đường N thuộc dự án Tuyến đường kết nối từ khu tái định cư T đến đường V thì giá đất cụ thể do UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 là phù hợp theo quy định và phù hợp với giá thị trường khi thu hồi đất. *(Ngoài ra, qua tra cứu hợp đồng ông* Hồ Tấn T1 *và ông* Nguyễn Thanh T *nhận chuyển nhượng tháng 6/2020 đối với tổng diện tích đất 916,5 m² đang bị thu hồi một phần là 500 triệu đồng tương đương 545.000 đồng/m², thấp hơn giá khảo sát của Dự án vào tháng 4/2022 khoảng 06 lần).*

Như vậy, việc ông Hồ Tấn T1 và ông Nguyễn Thanh T yêu cầu thực hiện lại trình tự thủ tục thẩm định giá là không có cơ sở để giải quyết.

2.5 Đối với nội dung yêu cầu thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất

Như đã phân tích ở trên việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 1620 về việc thu hồi 622,9m² đất của ông T1, ông T cùng sử dụng là đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và đúng chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, việc ông T1, ông T yêu cầu thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Việc UBND huyện C ban hành các Quyết định số 1628 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với ông T1, ông T để thực hiện dự án; Quyết định số 1620 về việc thu hồi 622,9m² đất của ông T1, ông T cùng sử dụng để thực hiện dự án; Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông T1, ông T, khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Việc ông T1, ông T yêu cầu thực hiện lại trình tự, thủ tục thẩm định giá, thu hồi đất là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Hồ Tấn T1, ông Nguyễn Thanh T và công nhận tính hợp pháp của các quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

[3] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Phương A **trình bày trình bày:**

Bà Võ Thị Phương A là người đồng sử dụng Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14 nêu trên với ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1 căn cứ theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số CV 349590 và CV349591 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/08/2020. Tuy nhiên, xuyên suốt quá trình thu hồi Thửa đất trên để thực hiện dự án Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N, bà A không được thông báo và có tên trong bất kỳ văn bản, quyết định hành chính nào. Đặc biệt là không được ghi nhận trong các Quyết định hành chính số 1620/QĐ-UBND; 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không ghi nhận bà A là người đồng sử dụng đất trong các Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất và không gửi cho bà A các Quyết định này để có ý kiến liên quan là trái quy định pháp luật.

Do đó, bà A yêu cầu Hội đồng xét xử sơ thẩm tiếp tục xét xử vắng mặt bà A tại các buổi xét xử tiếp theo, đồng thời xem xét đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà A trong quá trình giải quyết vụ án và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng: Điều 69, khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84, Khoản 6 Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ.

Điểm d khoản 1, điểm c và d khoản 4 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ T4.

Điều 9, Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 (sửa đổi bổ sung Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015) của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1:

- Hủy Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi 622,9m² đất của các ông (bà): Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T cùng sử dụng để thực hiện dự án Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

- Hủy Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28 tháng 09 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các ông (bà): Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án T đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

- Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân nhân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tấn T1 và ông Nguyễn Thanh T – Thành phố Hồ Chí Minh, khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thanh T, ông Hồ Tấn T1 và bà Võ Thị Phương A theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/9/2023, người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện C có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Người bị kiện thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và Hồ Tấn T1 do các quyết định hành chính bị khởi kiện đã được ban hành hợp pháp và có căn cứ. Về nguồn gốc đất theo quyết định thu hồi là do người khởi kiện nhận chuyển nhượng vào năm 2019, trên đất đã có công trình xây dựng là hàng quán để kinh doanh; theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2019 thì chủ sử dụng cũ là bà Trịnh Thị Thu L1 có hành vi xây dựng công trình không phép và bị buộc tháo dỡ nhưng không thực hiện; trong 622,9m² thu hồi thì có 89,4m² đất ngoài diện tích được cấp Giấy chứng nhận và có nguồn gốc do lấn chiếm đất công; quá trình tiến hành kiểm tra hiện trạng có bỏ sót một phần vật kiến trúc trên đất nhưng đã được bổ sung theo Bản phúc tra ngày 19/5/2023. Đối với người sử dụng đất gồm ông T1, bà A, ông T cho rằng cần được hỗ trợ về đất ở, bồi thường cây trồng, hồ cá do ông bà đang sản xuất nông nghiệp và các chính sách do phải thay đổi chỗ ở nhưng căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp thì ông bà hoạt động ngành nghề kinh doanh ăn uống là không đúng, do đây là đất nông nghiệp không phải là đất ở.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại của người khởi kiện có muộn 83 ngày nhưng nội dung giải quyết khiếu nại là đúng. Hiện tại đường đã làm xong.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và có bổ sung như sau: người bị kiện cho rằng trong quá trình thực hiện thu hồi thì bà Phương A không có khiếu nại gì nhưng thực tế là bà Phương A không được có tên trong các quyết định thu hồi và không được tống đạt các quyết định cũng như giấy mời để tham gia, nên việc vắng mặt là do không được và không thể tham gia được. Trong toàn bộ quá trình thu hồi đất, phía người bị kiện không thực hiện việc thông báo cho bà Phương A là thiếu chủ thể được bồi thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà Phương A. Về Quyết định 1620: diện tích không có sự thay đổi, tuy nhiên các ranh giới, tọa độ thì trong bản vẽ đo, trích lục trước đây thì không trùng khớp, sai vị trí; khi tòa xem xét thì các bên mới phát hiện ra điều này dẫn đến việc kiểm đếm cũng bị sai và thiếu sót về tài sản. Về vấn đề người bị kiện cho rằng đất này là đất nông nghiệp, không phải đất thương mại dịch vụ, chỉ phục vụ kinh doanh là không chính xác vì thực tế trên đất có cây trồng, cũng như có ao cá để thực hiện nông nghiệp. Đối với việc sai sót trong kiểm đến khi thu hồi thì thực tế tại thông báo thu hồi số 507 chỉ thông báo thu hồi diện tích 533,5m², tuy nhiên khi thực hiện kiểm đếm ngày 11/9 thì lại kiểm đếm thêm phần diện tích 89,4m² khi chưa có thông báo thu hồi đất, chưa có quyết định, cũng như không kèm theo bản trích đo để xác định vị trí nên dẫn đến việc kiểm đếm sai. Và sau khi có thông báo thu hồi đất bổ sung về diện tích 89,4m² thì có thông báo thời hạn kiểm đếm là trong vòng 30 ngày, tuy nhiên không thực hiện việc kiểm đếm lại là trái pháp luật.

Đối với việc bồi thường vật kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện C phê duyệt bồi thường có thiếu một số tài sản như bồn xây gạch, bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép do cho rằng những công trình này là sai phép.Tuy nhiên theo quy định đối với những công trình dùng để bảo quản, quản lý sử dụng đất thì không cần

phải xin giấy phép xây dựng nên những công trình này không được xem là xây dựng sai phép nên phải được hỗ trợ bồi thường theo đúng quy định của phương án bồi thường. Đối với diện tích đất 89,4m² thì tại công văn số 2737 của Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận, năm 1998 người sử dụng đất là Nguyễn Văn H, đến năm 2015 người sử dụng đất không còn là Nguyễn Văn H nữa. Hiện nay ông T, ông T1 đang quản lý, sử dụng hợp pháp, vì vậy cần xem xét bồi thường, hỗ trợ. Từ việc nội dung của Quyết định 1620, 1628 là trái pháp luật kéo theo việc không chấp nhận khiếu nại của ông T1 cũng là sai. Thời hạn giải quyết khiếu nại cũng bị vi phạm. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng quy định về tố tụng. Kháng cáo của người bị kiện trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của người bị kiện: xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C thấy người bị kiện căn cứ vào các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh B để thực hiện việc thu hồi và bồi thường diện tích 622,9m² đất của các ông bà Hồ Tấn C1, Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị Phương A gồm: diện tích đất 533,5m² thuộc thửa 21 đã được cấp sổ năm 2020 nên đủ điều kiện được bồi thường; phần diện tích 89,4m² đất thuộc thửa 79 có nguồn gốc là đất lấn chiếm đất do nhà nước quản lý. Mặt khác ông T1, bà A, ông T không trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp khi đất bị thu hồi. Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 47/NĐ-CP năm 2014, thì phần đất diện tích 89,4m² nói trên của người khởi kiện không đủ điều kiện để bồi thường về đất. Theo biên bản phúc tra ngày 19/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất và đoàn thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm cho thấy biên bản kiểm kê của Ủy ban nhân dân huyện C đã kiểm kê chưa chính xác một số tài sản trong và ngoài phần đất bị thu hồi của người khởi kiện, dẫn đến việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất chưa phù hợp. Điều này đã được Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận. Theo biên bản phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ của địa phương ngày 18/3/2022 do Phòng T3 lập đã xác nhận ông T1, bà A, ông T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp bị thu hồi mà sản xuất kinh doanh ăn uống, cụ thể là mở quán C2. Sự việc đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai, ông T1, bà A, ông T không có đất ở bị thu hồi nên không thuộc trường hợp được bồi thường tái định cư.

Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà A, ông T là không có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản a điểm 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc bổ sung tên bà Võ Thị Phương A vào quyết định thu hồi đất và bổ sung đối với các tài sản trên đất còn thiếu. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện công vụ, nhiệm vụ đối với những nội dung này, các yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy các quyết định còn lại như quyết định thu hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[2] Về nội dung:

Ông Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện C và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C; buộc UBND huyện C thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với ông T1, ông T và bà Phương A theo đúng quy định pháp luật. Xét các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện đã được người bị kiện thực hiện đúng quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật Khiếu nại và Luật Xử lý vi phạm hành chính. Các quyết định và thông báo đã được tống đạt đầy đủ cho người có đất bị thu hồi. Việc khiếu nại thiếu tên và không thông báo đến bà Võ Thị Phương A (vợ ông Hồ Tấn T1) là căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Hồ Tấn T1, bà Võ Thị Phương A cùng người sử dụng đất chung là ông Nguyễn Thanh T. Do đó quá trình tiến hành thủ tục thu hồi đất, giải quyết bồi thường được thông báo thông qua ông T1 với tư cách đại diện là phù hợp, không vi phạm nghĩa vụ thông báo đến bà A như các đương sự đặt ra.

Tuy nhiên về thời hạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết khiếu nại quá thời hạn quy định nên cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

Xét Quyết định thu hồi đất số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C đối với 622,9m² đất do ông Hồ Tấn T1, bà Võ Thị Phương A sử dụng chung với ông Nguyễn Thanh T được ban hành trên cơ sở Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh B theo Danh mục dự án có đất bị thu hồi và Nghị quyết số 32/NQ-UBND ngày 31/11/2020 của Hội đồng nhân dân huyện C; Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện C về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến đường kết nối từ Khu dân cư I đến đường N. Đây là căn cứ pháp lý để thu hồi đất đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013. Mục đích thu hồi đất là để phục vụ

phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích công cộng. UBND huyện C đã xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2021 số 1739 ngày 08/9/2021 về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, thẩm định giá, đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất thuộc địa bàn.

Như vậy, việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C đối với 622,9m² đất do ông Hồ Tấn T1, bà Võ Thị Phương A sử dụng chung với ông Nguyễn Thanh T là phù hợp với chủ trương, chính sách của địa phương, đúng quy định pháp luật.

Đối với Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông T1, bà A, ông T để thực hiện dự án: về diện tích đất thu hồi theo Công văn số 449 ngày 25/4/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T3 xác định: phần diện tích 533,5m² đất thuộc một phần thửa 21, tờ bản đồ số 14 thuộc diện tích 619,5m² đất nông nghiệp khác được Sở T tỉnh cấp GCNQSD đất số CV349590 ngày 14/8/2020; diện tích 89,4m² thuộc một phần thửa 19, tờ bản đồ số 14 có nguồn gốc từ việc lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý, thời điểm lấn chiếm sau khi nhận chuyển nhượng thửa số 21 vào ngày 23/6/2020.

Theo hồ sơ địa chính năm 1995: bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C được lưu trữ ngày 20/5/1995 thì diện tích 89,4m² có tên chủ sử dụng đất ghi là "Nhà tù" với tổng diện tích 17.075m² thuộc loại đất chuyên dùng.

Theo Hồ sơ địa chính năm 1998: bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C ghi tên chủ sử dụng là "Ủy ban nhân dân huyện"; diện tích 33.813,3m², loại đất LN (lâm nghiệp).

Hồ sơ địa chính năm 2015: bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai huyện C để trống tên chủ sử dụng, diện tích 33.324,5m², loại đất cây lâu năm. Đến thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất thì đất vẫn để trống phần chủ sử dụng.

Căn cứ Biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trịnh Thị Thu L1 vào năm 2019 do xây dựng công trình trái phép trên đất lấn chiếm (là quán kinh doanh ăn uống M) đã xác định rõ về nguồn gốc sử dụng đối với phần đất này là không thuộc diện tích mà các ông bà nhận chuyển nhượng vào năm 2019. Do vậy, các ông bà Hồ Tấn T1, Võ Phương A, Nguyễn Thanh T chỉ đủ điều kiện được bồi thường diện tích đất 553,5m² thuộc GCNQSD đất đã cấp. Điều này là đúng quy định của khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Về điều kiện được bồi thường: người khởi kiện sử dụng các công trình, vật kiến trúc trên đất là quán M vào mục đích kinh doanh dịch vụ ăn uống. Các tài sản này có nguồn gốc được tạo lập trái phép trên đất nông nghiệp nên căn cứ khoản 1 Điều 88, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 thì các hạng mục thuộc quán C2 không đủ điều kiện để được bồi thường. Các tài sản khác như móng đá hộc làm kè bảo vệ đất, nuôi cá tạo cảnh quan và cây trồng trên đất được xem xét bồi thường theo quy định.

Theo khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 về xem xét hỗ trợ, do xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường thì ông T1, bà A, ông T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi, không trực tiếp ở trên đất và do là

đất nông nghiệp nên ông bà không đủ điều kiện để được hỗ trợ, cũng như không đủ điều kiện để bồi thường bằng đất ở tái định cư vì việc thu hồi không ảnh hưởng đến việc di chuyển chỗ ở. Đối với công trình nhà ở do được xây dựng sau ngày 01/7/2014 nên không được hỗ trợ là có căn cứ.

Đối với nội dung ông T1, ông T cho rằng UBND huyện C đã xác định sai ranh đất thu hồi nên vừa bỏ sót, vừa thừa một số tài sản, vật kiến trúc trên đất. Tuy nhiên, Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tiến hành thẩm định tại chỗ và có bản vẽ xác minh lại vào ngày 13/6/2023. Về phía UBND huyện C cũng đã tiến hành kiểm tra thực địa – căn cứ Bản phúc tra ngày 19/5/2023 đã xác định lại các tài sản là nằm ngoài ranh thu hồi, không thuộc diện tích đất thu hồi được thực hiện dự án, phần này chưa được bổ sung vào Quyết định 1628/QĐ-UBND nên cần phải được sửa đổi, bổ sung bằng một quyết định hành chính khác cho phù hợp với Bản phúc tra ngày 19/5/2023 và kết quả thẩm định tại chỗ cũng như bản vẽ xác minh lại vào ngày 13/6/2023 nói trên.

Như vậy, Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông T1, bà A, ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về cưỡng chế thu hồi đất: trước khi thực hiện đã có quá trình vận động đối với ông T1 và bà A, ông T nên việc các ông bà không chấp hành quyết định thu hồi đất dẫn đến bị cưỡng chế là đúng quy định.

Với khiếu nại của ông T1, ông T, về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023: tuy có quá thời hạn giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 nhưng trước khi ban hành đã thực hiện thủ tục xác minh, theo kết quả tranh tra của Thanh tra huyện C tại Tờ trình số 204/TTr-TTr ngày 10/3/2023 thì việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của Điều 31, 32 Luật Khiếu nại 2011 và Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, về nội dung là đúng với hiện trạng thực tế và quy định pháp luật nên quyết định này là có căn cứ.

Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện là không đúng hiện trạng sử dụng đất của người khởi kiện và chưa phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về phần tài sản kiểm tra theo các kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm và Bản phúc tra ngày 19/5/2023 đã ghi nhận lại hiện trạng trên đất, yêu cầu của người khởi kiện về việc bổ sung đối với các tài sản trên đất còn thiếu, và có phần tài sản được ghi nhận thừa thì Ủy ban nhân dân huyện C cần thực hiện công vụ, nhiệm vụ điều chỉnh cho đính theo ghi nhận tại Bản phúc tra ngày 19/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C và kết quả thẩm định tại chỗ cũng như bản vẽ xác minh lại vào ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Người bị kiện kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tấn T1 và Nguyễn Thanh T. Như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên, các quyết định hành chính bị kiện đã được ban hành hợp pháp và có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T1 không có cơ sở để chấp nhận.

Kháng cáo của người bị kiện có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, ông T đối với việc hủy các quyết định hành chính bị kiện. Đối với phần tài sản trên đất có chênh lệch, Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện công vụ, nhiệm vụ bổ sung sao cho phù hợp với Bản phúc tra ngày 19/5/2023 và kết quả thẩm định tại chỗ cũng như bản vẽ xác minh lại vào ngày 13/6/2023 nói trên.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận. Người khởi kiện phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ:

Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 82, khoản 1 Điều 83, khoản 1 Điều 84, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Khoản 1 Điều 13, Điều 19, 20, 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ.

Điểm d khoản 1, điểm c và d khoản 4 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ T4.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1 về việc:

- Hủy Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi 622,9m² đất của các ông (bà): Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T cùng sử dụng để thực hiện dự án Tuyến đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

- Hủy Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các ông (bà): Hồ Tấn T1, Nguyễn Thanh T để thực hiện dự án T đường kết nối từ khu dân cư I đến đường N.

- Hủy Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân nhân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tấn T1 và ông Nguyễn Thanh T – Thành phố Hồ Chí Minh, khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thanh T, ông Hồ Tấn T1 và bà Võ Thị Phương A theo đúng quy định pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện công vụ, nhiệm vụ về bổ sung đối với các tài sản trên đất còn thiếu trong quá trình kiểm đếm theo quy định, phù hợp với Bản phúc tra ngày 19/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C và kết quả thẩm định tại chỗ cũng như bản vẽ xác minh lại vào ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không phải chịu án phí phúc thẩm. H1 lại cho Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C mỗi đương sự 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lần lượt theo các biên lai thu số 0006231 và 0006230 cùng ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T và ông Hồ Tấn T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000617 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh BRVT (1);
- VKSND tỉnh BRVT (1);
- Cục THADS tỉnh BRVT (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ